TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YD** **TỈNH BG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2024/DS-ST
Ngày 07-3-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NTTH

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhàn và ông Đào Xuân Thịnh

Thư ký phiên toà: Ông NHD - Thư ký Toà án nhân dân huyện YD

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Ông TVM - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện yueen Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXX-ST ngày 23/01/2024; Quyết định Hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 20/02/2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh NVH, sinh năm 1988; địa chỉ: TT, xã NH, huyện YD, tỉnh BG.

- ***Bị đơn:*** Anh DMD, sinh năm 1985; địa chỉ: TT, xã NH, huyện YD, tỉnh BG.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ quen biết vì là người cùng thôn nên anh đã cho anh DMD vay tổng số tiền là 260.000.000 đồng làm nhiều lần, các lần cho vay hai bên đều viết giấy vay tiền, chữ viết và chữ ký "Đức - DMD" trong các giấy vay tiền đều do AD viết và ký. Trong các giấy vay tiền không ghi mục đích vay nhưng AD có nói miệng với anh là vay tiền để lo việc cá nhân. Cụ thể các lần anh cho AD vay tiền như sau:

- Ngày 20/8/2021, cho AD vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng hẹn đến ngày 20/9/2021 trả, lãi suất là 0,1%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay, AD có để lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp tổng diện tích 4104m^2 đất được UBND huyện YD cấp ngày 28/6/1999 mang tên bố mẹ AD là ông DVT và Dương Thị Thành để làm tin. Khi cho vay có anh TVB, sinh năm

1980; địa chỉ: TTP, xã NH, huyện YD, tỉnh BG chứng kiến và ký người làm chứng trong giấy vay tiền;

- Ngày 03/9/2021, AD vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng hẹn đến ngày 03/10/2021 trả, lãi suất là 0,1%/tháng từ ngày nhận tiền vay.

- Ngày 11/3/2022, AD vay tiếp số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 20/3/2022 sẽ trả, trong giấy vay tiền không ghi lãi suất.

Kể từ khi vay tiền cho đến nay AD chưa trả cho anh được khoản tiền gốc và tiền lãi của bất cứ khoản vay nào. Đến nay, dù anh đã đến đòi rất nhiều lần nhưng AD vẫn không trả tiền cho anh như đã hẹn mà còn trốn tránh không gặp mặt anh. Số tiền anh cho AD vay ở trên là tiền của cá nhân một mình anh cho cá nhân một mình AD vay không liên quan gì đến vợ con AD cũng như bất cứ ai khác. Anh chỉ yêu cầu một mình AD phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh số tiền còn nợ.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số phát hành P201584 do UBND huyện YD, tỉnh BG cấp ngày 28/6/1999 cho hộ ông DVT (là bố mẹ AD) mà AD đã để lại cho anh để làm tin theo giấy vay tiền ngày 20/8/2021, anh không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết trong vụ án này vì việc thế chấp này là không đúng theo quy định của pháp luật. Trường hợp giữa anh và AD có tranh chấp về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Tuy trong giấy vay tiền ngày 20/8/2021 và ngày 03/9/2021 có thoả thuận mức lãi suất là 0.1%/tháng, còn giấy vay tiền ngày 11/3/2022 không ghi lãi suất nhưng nay AHxác định anh không yêu cầu AD phải trả tiền lãi thoả thuận theo mức lãi suất 0.1%/tháng ghi trong hai giấy vay tiền này.

Nay anh chỉ yêu cầu Toà án buộc AD phải trả cho anh tổng số tiền gốc đã vay theo các giấy vay tiền ngày 20/8/2021, ngày 03/9/2021, ngày 11/3/2022 là 260.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền gốc trên với mức lãi suất là 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng và 0.027%/ngày), thời gian tính lãi kể từ ngày 21/3/2022 đến khi AD trả hết nợ cho anh.

Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cho AD nhiều lần (do vợ AD nhận thay và cam đoan giao lại cho AD) nhưng AD không đến Toà án làm việc, không có văn bản trình bày quan điểm gửi đến Toà án.

Tại biên bản xác minh với chị TTHlà vợ anh DMD cung cấp: AD hiện nay đang đi làm ăn xa, không có mặt ở nhà nhưng vẫn thường xuyên về nhà khi gia đình có công việc. Việc AD vay tiền của anh NVH chị có biết là do AHđến nhà chị đòi nợ và nói cho chị biết. Chị không biết AD vay tiền của AHcụ thể mấy lần, vay vào thời gian nào, chị chỉ biết AD đến nay còn nợ AHtổng số tiền là

260.000.000 đồng. Khi AD vay tiền AHthì không nói gì cho chị biết, chị cũng không được sử dụng số tiền này, cũng không biết AD vay tiền sử dụng vào mục đích gì. Do AD không có nhà nên chị nhận thay các văn bản của Toà án giao cho AD và đã thông báo lại cho AD còn AD có về Toà án làm việc hay không thì chị không biết. Gia đình chị không thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý, AD cũng không chuyển khẩu đi nơi khác. Chị xác định không liên quan gì đến vụ án này nên đề nghị Toà án không đưa chị vào tham gia tố tụng và giải quyết vụ án theo quy định.

Tại biên bản xác minh với đại diện chính quyền địa phương xã NH cung cấp: Anh DMD có hộ khẩu thường trú tại TT, xã NH, huyện YD, tỉnh BG. Tại thời điểm xác minh không có thông tin gì về việc AD làm thủ tục chuyển khẩu đi nơi khác. AD vẫn có hộ khẩu và thường trú tại địa chỉ nêu trên.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng anh TVB trình bày: Anh xác nhận ngày 20/8/2021 có chứng kiến việc anh NVH cho anh DMD vay tiền tại văn phòng Bất động sản Việt Anh (ở TN, xã NH). Việc thoả thuận giữa AHvà AD trước đó như thế nào anh không nắm được chỉ biết AHcho AD vay số tiền 100.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy vay tiền, chính là giấy vay tiền bản gốc ngày 20/8/2021 mà AHnộp lưu trong hồ sơ vụ án mà anh đã được xem. Chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền ngày 20/8/2021 là do anh DMD viết và ký. Hiện nay AD đã trả tiền AHhay chưa thì anh không biết. Việc sau này AHcó cho AD vay thêm khoản tiền nào nữa hay không thì anh cũng không nắm được. Do anh không liên quan trong vụ án nên anh đề nghị Toà án không đưa anh vào tham gia tố tụng trong vụ án và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được vì bị đơn anh DMD đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 20/02/2024, Tòa án mở phiên tòa, bị đơn AD vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh NVH có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh DMD đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự (vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa không lý do).

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ Luật dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà, buộc AD phải trả cho AHtổng số tiền là 310.687.000 đồng, trong đó

số tiền gốc là 260.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 07/3/2024 là 50.687.000 đồng; về án phí: AD phải chịu án phí theo quy định.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn anh NVH và bị đơn anh DMD là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân về *"Hợp đồng vay tài sản"*. Các bên không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp nên AHlàm đơn khởi kiện tại Tòa án. Bị đơn AD sinh sống trên địa bàn huyện YD nên Tòa án nhân dân huyện YD thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa, các đương sự không ai yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu. Căn cứ Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu đối với vụ án.

[1.3] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của AHvề việc buộc AD phải trả số tiền gốc đã vay là 260.000.000 đồng thấy:

Căn cứ lời khai của AD, bản gốc các giấy vay tiền ngày 20/8/2021, ngày 03/9/2021 và ngày 11/3/2022 do AHgiao nộp và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án thể hiện AD đã viết giấy vay tiền và nhận của AHtổng số tiền là 260.000.000 đồng gồm: ngày 20/8/2021 nhận số tiền 100.000.000 đồng; ngày 03/9/2021, nhận số tiền 40.000.000 đồng và ngày 11/3/2022, nhận số tiền 120.000.000 đồng. Mặc dù trong quá trình làm việc, AD không đến Toà án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến, cũng không cung cấp tài liệu, giấy tờ gì liên quan đến việc trả nợ theo Quyết định cung cấp tài liệu, chứng cứ của Toà án; cũng không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ là các giấy vay tiền đã được Toà án thông báo tại các thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, và thông báo kết quả phiên họp về giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Cho đến nay, AD không có ý kiến phản đối hay phủ nhận về các giấy vay tiền cũng như yêu cầu khởi kiện của anh Hà.

Nay AHkhởi kiện buộc AD phải trả cho AHtoàn bộ số tiền gốc là 260.000.000 đồng theo các giấy vay tiền như trên là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu này của anh Hà. Do vậy, căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cần buộc AD phải trả cho AHsố tiền gốc 260.000.000 đồng này là phù hợp quy định của pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu của AHvề việc buộc AD phải trả tiền lãi chậm trả của số tiền gốc 260.000.000 đồng đã vay với mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi kể từ ngày 21/3/2022 thấy:

Tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả."

Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định: "Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác".

Tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định như sau: "... Hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc) và căn cứ điểm a khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết hướng dẫn về xác định thời điểm xét xử sơ thẩm và thời gian chậm trả xác định AHyêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 21/3/2022 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định của pháp luật là phù hợp với khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi chậm trả của anh Hà. Lãi suất được áp dụng là 10%/năm, thời gian tính lãi kể từ ngày 21/3/2022 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/3/2024) là 23 tháng 15 ngày, số tiền lãi được tính là: (260.000.000 đồng x 0.83% x 23 tháng) + (260.000.000 đồng x 0.027% x 15 ngày) = 50.867.000 đồng.

[2.3] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P201584 do UBND huyện YD, tỉnh BG cấp ngày 28/6/1999 cho hộ ông DVT thì thấy: Khi lập giấy vay tiền AD có ghi là thế chấp sổ đỏ, việc AD thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là không đúng với quy định về thế chấp tài sản tại Điều 342, Điều

343 của Bộ luật dân sự. Nguyên đơn AHcũng không yêu cầu xem xét đối với việc thế chấp này cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự có yêu cầu đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, do yêu cầu của bà Đ được chấp nhận nên bị đơn là AD phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả AHsố tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238; Điều 244; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh NVH. Xử:

1.1. Buộc anh DMD phải trả cho anh NVH tổng số tiền là 310.687.000 đồng *(Ba trăm mười triệu sáu trăm tám bảy nghìn đồng)* theo các giấy vay tiền ngày 20/8/2021, ngày 03/9/2021, ngày 11/3/2022; trong đó số tiền gốc là 260.000.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi triệu đồng)* và số tiền lãi tạm tính đến ngày 07/3/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 50.687.000 đồng *(Năm mươi triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng)*.

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí:

2.1. Buộc anh DMD phải chịu số tiền 15.534.350 đồng *(Mười lăm triệu, năm trăm ba mươi tư nghìn, ba trăm năm mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả anh NVH số tiền 6.500.000 đồng *(Sáu triệu năm trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000416 ngày 07/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YD, tỉnh BG.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND thành phố BG;
- CCTHADS thành phố BG,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

NTTH